TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 215 /2024/ HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 8 -2024
"V/v Ly hôn giữa chị V và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **BÙI VĂN MÀU**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông **TRẦN TRƯỜNG DUY** – Kiểm sát Vên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thuý V,** sinh năm 1990.
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị V xin vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý V trình bày: Do quen biết và tìm hiểu nhau trước nên chị và anh T tiến đến hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẩn trầm trọng và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh T hay đánh đập chị. Chị không còn tình cảm gì với anh T.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 04/6/2009 và Ngô Ngọc N, sinh ngày 03/5/2016. Hiện các con đang sống cùng chị.

Tài sản chung: Anh chị có tài sản chung nhưng tự thoả T

Nợ chung: Không có.

Chị V yêu cầu ly hôn anh T. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng từ anh T. Tài sản chung tự thoả thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V trình bày giữa chị và anh T có 01 con chung là cháu Ngô Ngọc N vì cháu T1 giấy khai sinh không ghi tên cha, còn anh T không tham gia tố tụng, không trình bày, chị không có chứng cứ gì khác chứng minh cháu T1 là con của chị và anh T.

- Bị đơn anh Ngô Văn T dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

- Kiểm sát Viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ý kiến về Vệc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Ý kiến về Vệc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp điều 5, khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 71; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị V khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý V có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm xa, không thể đến Tòa án nhiều lần. Đối với anh Ngô Văn T dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị V và anh T tiến đến hôn nhân năm 2016 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân. Nguyên nhân theo chị V trình bày do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cự cãi, thậm chí anh T có hành V bạo lực với chị. Chị V xác định không còn tình cảm với anh T nên kiên quyết ly hôn. Qua xác minh tại địa phương không nắm được mâu thuẩn vợ chồng anh chị. Đối với anh T dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng cũng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến Vệc chị V xin ly hôn. Chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ cùng chị V. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị V được ly hôn với anh T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Ngô Ngọc N, sinh ngày 03/5/2016. Hiện các con đang sống cùng chị V. Chị V yêu cầu được nuôi cả 02 con chung khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, con chung được chị V nuôi dưỡng từ lúc anh chị ly thân đến nay vẫn phát triển B thường. Đối với cháu N cũng có nguyện vọng sống cùng chị V. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống con chung cũng như xem xét nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 04/6/2009 trước khi khi chị V và anh T đăng ký kết hôn, giấy khai sinh cũng không thể hiện thông tin người cha. Phía anh T không có lời trình bày về con chung và chị V cũng không yêu cầu giải quyết Vệc nuôi cháu Tuấn trong vụ án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, anh chị có quyền yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi cháu Tuấn trong vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung: Tự thoả T nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Xét lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý V.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thuý V được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Ngô Ngọc N, sinh ngày 03/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Thuý V nuôi dưỡng.

Anh Ngô Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung: Tự thoả thuận

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuý V phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014877 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH